

Số: /BC-SGDĐT

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI CHÍNH SÁCH

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Giáo dục và đào tạo có tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực đổi mới sáng tạo và sự phát triển bền vững của địa phương. Trong giai đoạn 2026 - 2030, việc thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, củng cố cơ sở vật chất tối thiểu, tăng cường năng lực số, ngoại ngữ, giáo dục STEM/STEAM và nâng cao chất lượng đào tạo nghề đặt ra nhu cầu đầu tư lớn, đồng bộ và có thứ tự ưu tiên đối với hệ thống giáo dục của tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 249/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035. Chính phủ ban hành Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1888/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 phê duyệt Chương trình giai đoạn I. Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026.

- Theo Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình tại địa phương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phương án phân bổ, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Dự thảo Nghị quyết của tỉnh quy định việc phân bổ vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng ngân sách tỉnh; nguyên tắc phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh, các xã, phường và trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; đồng thời thực hiện phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Thực tiễn của tỉnh còn nhu cầu xử lý phòng học tạm, phòng học nhờ, mượn, phòng học cấp 4 xuống cấp; bổ sung phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ giáo viên, khu nội trú học sinh và thiết bị dạy học tối thiểu; đầu tư phục vụ phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày. Các xã có điều kiện địa lý, khả năng tự cân đối ngân sách và mức độ thiếu hụt cơ sở vật chất khác nhau. Các nhiệm vụ cấp tỉnh, nhiệm vụ quy mô liên xã, phường và dự án đầu tư cho trường cao đẳng công lập cần được lựa chọn theo nhu cầu, tiến độ, khả năng giải ngân và hiệu quả đầu ra. Trong khi đó, nguồn lực ngân sách có giới hạn, yêu cầu công khai và trách nhiệm giải trình ngày càng cao.

2. Các vấn đề cần giải quyết

a) Chưa có quy định của địa phương để lượng hóa thống nhất mức độ ưu tiên và xác định tỷ trọng vốn giữa các xã, phường theo yêu cầu của Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

b) Cần kết hợp đồng thời mức độ thiếu hụt cơ sở vật chất, mục tiêu kiên cố hóa, phổ cập và học 2 buổi/ngày với khả năng tự cân đối ngân sách, điều kiện vùng, miền để bảo đảm công bằng và hiệu quả.

c) Cần xác định rõ căn cứ và giới hạn phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh; phương pháp phân bổ phần vốn còn lại cho các xã, phường; nguyên tắc phân bổ cho trường cao đẳng công lập, bảo đảm không trùng lặp, dàn trải hoặc vượt quá khả năng thực hiện.

d) Cần xác định rõ tỷ lệ, số vốn đối ứng của ngân sách tỉnh; nguyên tắc bố trí vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác cho dự án đầu tư của trường cao đẳng công lập, bảo đảm dự án có đủ nguồn lực hoàn thành nhưng không gây mất cân đối ngân sách.

đ) Cần bảo đảm việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch vốn được thực hiện thống nhất với Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND; đồng thời thiết lập trách nhiệm báo cáo, giám sát và điều phối vốn đối với nhiệm vụ chậm tiến độ, không còn nhu cầu hoặc sử dụng vốn không hiệu quả.

3. Mục tiêu xây dựng chính sách

3.1. Mục tiêu tổng thể

Thiết lập cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng vốn thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh theo hướng đúng thẩm quyền, khoa học, công bằng, công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm; gắn nguồn lực với nhu cầu thực tế, mức độ khó khăn, khả năng cân đối ngân sách, năng lực triển khai và trách nhiệm đối ứng; qua đó góp phần hiện đại hóa cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa đầy đủ nguyên tắc, tiêu chí, hệ số và phương pháp phân bổ vốn thuộc phạm vi địa phương theo Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

- Ưu tiên xử lý phòng học tạm, nhờ, mượn, công trình xuống cấp; bảo đảm điều kiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày và chuẩn tối thiểu về cơ sở vật chất, thiết bị.

- Bảo đảm phân bổ vốn giữa các xã có tính đến khả năng tự cân đối ngân sách và mức độ khó khăn của địa bàn, không thực hiện chia đều hoặc bình quân.

- Xác định căn cứ phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh, trường cao đẳng công lập và các xã; quy định mức tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho nhiệm vụ cấp tỉnh, bảo đảm vốn được bố trí đúng nhiệm vụ, không trùng lặp và phù hợp khả năng giải ngân.

- Xác định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh là 38,73% so với vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thuộc phạm vi phải đối ứng; quy định nguyên tắc bố trí vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác cho dự án đầu tư của trường cao đẳng công lập.

- Tăng quyền chủ động của cấp xã đi đôi với kỷ luật tài chính, công khai, giám sát, báo cáo và điều phối vốn kịp thời.

4. Phạm vi và đối tượng chịu tác động

Chính sách tác động trực tiếp đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập; trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình; các chủ đầu tư, cơ quan tài chính, cơ quan thẩm định và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc lập, phân bổ, giao, điều chỉnh, thực hiện và giám sát kế hoạch vốn. Đối tượng thụ hưởng cuối cùng là trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên, nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

1. Chính sách về nguyên tắc phân bổ vốn và thứ tự ưu tiên

- Phân bổ vốn phải tuân thủ pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và chương trình mục tiêu quốc gia; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; ưu tiên xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; ưu tiên xử lý phòng học tạm, nhờ, mượn, công trình xuống cấp và các điều kiện tối thiểu để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày.

- Việc phân bổ, điều chỉnh vốn phải đúng thẩm quyền, kịp thời, công khai, minh bạch; ưu tiên nơi có nhu cầu cấp thiết, có khả năng triển khai và giải ngân. Trường hợp cơ sở giáo dục chia tách, sáp nhập, mức vốn được xác định theo nhiệm vụ, dự án được chuyển giao để bảo đảm tính liên tục, kế thừa và không phân bổ trùng lặp.

2. Chính sách phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương cho các xã

Mức vốn phân bổ cho từng xã được xác định bằng phương pháp tính điểm quy đổi, kết hợp ba nhóm nhu cầu đầu tư với hệ số khả năng tự cân đối ngân sách và hệ số ưu tiên vùng, miền.

Nhóm nhu cầu	Ký hiệu	Hệ số trọng số	Mục đích ưu tiên
Phòng học tạm, nhờ, mượn; phòng học cấp 4 xuống cấp cần kiên cố hóa	Pkch	$\alpha = 1,3$	Bảo đảm an toàn, kiên cố hóa trường, lớp
Phòng học cần đầu tư để thực hiện phổ cập giáo dục, học 2 buổi/ngày	Ppcgd	$\beta = 1,2$	Bảo đảm mục tiêu phổ cập và tổ chức dạy học

Nhóm nhu cầu	Ký hiệu	Hệ số trọng số	Mục đích ưu tiên
Phòng học, phòng bộ môn, nhà công vụ, khu nội trú, thiết bị tối thiểu còn thiếu	Pthiếu	$\gamma = 1,0$	Bổ sung để đạt chuẩn tối thiểu theo quy định

Tiêu chí điều chỉnh	Mức/nhóm áp dụng	Hệ số
Khả năng tự cân đối ngân sách xã (Mj)	Tỷ lệ bổ sung cân đối/tổng chi cân đối từ 80% trở lên	1,3
Khả năng tự cân đối ngân sách xã (Mj)	Từ 60% đến dưới 80%	1,1
Khả năng tự cân đối ngân sách xã (Mj)	Từ 40% đến dưới 60%	1,0
Khả năng tự cân đối ngân sách xã (Mj)	Dưới 40%	0,6
Mức độ khó khăn của địa bàn (Kj)	Xã khu vực II, khu vực III, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu	1,2
Mức độ khó khăn của địa bàn (Kj)	Các xã còn lại thuộc đối tượng hỗ trợ	1,0

Tổng điểm quy đổi của xã j được xác định theo công thức: $T_j = [(P_{kch,j} \times \alpha) + (P_{pcgd,j} \times \beta) + (P_{thieu,j} \times \gamma)] \times K_j \times M_j$. Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã j được xác định theo tỷ trọng T_j trong tổng số điểm của các xã thuộc đối tượng hỗ trợ, nhân với phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương thuộc Dự án thành phần 1 còn lại sau khi bố trí cho các nhiệm vụ cấp tỉnh theo khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết. Số liệu làm căn cứ tính toán được chốt tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và áp dụng ổn định cho giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

3. Chính sách phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh và trường cao đẳng công lập

- Việc phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh và trường cao đẳng công lập căn cứ nhiệm vụ được giao, khối lượng, tiến độ, nhu cầu vốn, khả năng giải ngân và hoàn thành nhiệm vụ; nội dung phải phù hợp chức năng, nhiệm vụ và không trùng lặp với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã hoặc đã được chương trình, dự án, nhiệm vụ chi khác bảo đảm.

- Đối với trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh tham gia Chương trình, tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định mức vốn ngân sách trung ương thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và phương án, quyết định phân

bổ của cấp có thẩm quyền. Tình bố trí vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án đầu tư theo khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg.

Tiêu chí	Căn cứ xác định	Nội dung áp dụng
Đối tượng tham gia	Trường cao đẳng công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được cấp có thẩm quyền lựa chọn tham gia Chương trình	Đúng đối tượng, nhiệm vụ của Dự án thành phần 2
Nhiệm vụ, dự án	Phù hợp mục tiêu Chương trình và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao	Không trùng lặp với chương trình, dự án hoặc nhiệm vụ chi khác
Khối lượng và tiến độ	Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn và khả năng giải ngân	Ưu tiên dự án đủ thủ tục, có khả năng hoàn thành trong kỳ kế hoạch
Tiêu chí, hệ số, phương pháp	Thực hiện theo Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg	Làm căn cứ xây dựng phương án và quyết định phân bổ
Vốn đối ứng	Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo khoản 2 Điều 11 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg	Bảo đảm tính đồng bộ, đủ nguồn thực hiện dự án
Mức vốn	Theo phương án và quyết định phân bổ của cấp có thẩm quyền	Phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ thực hiện hằng năm
Trách nhiệm	Cơ quan chủ quản, nhà trường và cơ quan liên quan chịu trách nhiệm về số liệu, hồ sơ và hiệu quả đầu tư	Tăng trách nhiệm giải trình, quản lý và khai thác tài sản sau đầu tư

4. Chính sách về định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương

- Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao, khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, dự thảo quy định bố trí tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh, nhiệm vụ quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù và nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao. Phần vốn còn lại được phân bổ cho các xã, phường theo tiêu chí, hệ số và phương pháp tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

- Đối với kinh phí thường xuyên, việc phân bổ thực hiện theo tiêu chí, hệ số tại Điều 7 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và nhiệm vụ cụ thể của Chương trình, không xây dựng thêm công thức riêng của tỉnh nhằm bảo đảm thống nhất với quy định của Trung ương và tránh trùng lặp nguồn kinh phí.

5. Chính sách về vốn đối ứng

- Tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh được xác định theo công thức $Tđư = Ttt \times Hđư$. Theo dự thảo Nghị quyết, tỷ lệ vốn đối ứng tối thiểu áp dụng chung Ttt là 25,82%; Thái Nguyên thuộc nhóm địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40%, áp dụng hệ số $Hđư = 1,5$. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh là 38,73% so với vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thuộc phạm vi phải đối ứng.

Chỉ tiêu	Giá trị	Cách xác định
Tỷ lệ đối ứng tối thiểu áp dụng chung (Ttt)	25,82%	Theo cơ cấu nguồn vốn quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 249/2025/QH15
Hệ số điều chỉnh của tỉnh ($Hđư$)	1,5	Nhóm địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 40%
Tỷ lệ đối ứng của ngân sách tỉnh ($Tđư$)	38,73%	$Tđư = Ttt \times Hđư = 25,82\% \times 1,5$
Số vốn đối ứng ngân sách tỉnh ($Vđư$)	$VNSTW \times 38,73\%$	Tính theo vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu được giao trong năm hoặc giai đoạn kế hoạch

- Số vốn đối ứng ngân sách tỉnh được xác định theo công thức $Vđư = VNSTW \times Tđư$. Vốn đối ứng phân bổ cho các xã thực hiện Dự án thành phần 1 được xác định theo tiêu chí, hệ số và phương pháp tại Điều 3; đối với nhiệm vụ cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, đề xuất, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với dự án của trường cao đẳng công lập, tỉnh bố trí vốn đối ứng và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

6. Chính sách phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã

Việc Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm và dự toán chi thường xuyên của Chương trình được thực hiện theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả và kịp thời đề xuất điều chỉnh vốn đối với nhiệm vụ không còn nhu cầu, sử dụng vốn không hiệu quả hoặc chậm tiến độ.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH

1. Tác động của chính sách về nguyên tắc phân bổ và thứ tự ưu tiên

a) Tác động kinh tế, ngân sách

Việc ưu tiên nhiệm vụ cấp bách, dự án đủ thủ tục và có khả năng giải ngân làm giảm chi phí cơ hội của vốn đầu tư công, hạn chế bố trí vốn cho dự án chưa sẵn sàng hoặc không có khả năng hoàn thành. Cơ chế điều chỉnh vốn từ nơi không còn nhu cầu, chậm tiến độ sang nơi có nhu cầu và khả năng thực hiện giúp tăng tỷ lệ giải ngân, giảm vốn tồn đọng và nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản công.

b) Tác động xã hội

Ưu tiên xã khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã an toàn khu và công trình mất an toàn góp phần thu hẹp chênh lệch điều kiện học tập giữa các địa bàn. Việc giải quyết phòng học tạm, nhờ, mượn và điều kiện tối thiểu hỗ trợ duy trì sĩ số, giảm nguy cơ bỏ học, cải thiện môi trường làm việc của giáo viên và bảo đảm quyền học tập an toàn của trẻ em, học sinh.

c) Tác động quản trị và rủi ro

Chính sách tạo căn cứ thống nhất cho lập, thẩm định, quyết định và giám sát phương án vốn; không phát sinh thủ tục hành chính mới đối với người dân, doanh nghiệp. Rủi ro là xác định nhu cầu vượt khả năng thực hiện, phân bổ theo áp lực cục bộ hoặc điều chỉnh thiếu căn cứ. Giải pháp kiểm soát gồm chuẩn hóa dữ liệu, công khai căn cứ tính toán, kiểm tra hồ sơ dự án, gắn phân bổ năm sau với kết quả giải ngân, nghiệm thu và hiệu quả sử dụng tài sản.

2. Tác động của phương pháp phân bổ vốn đầu tư công cho các xã

a) Tác động về công bằng và hiệu quả phân bổ

Phương pháp tính điểm lượng hóa được ba cấp độ nhu cầu đầu tư, đồng thời bổ sung Mj để phản ánh khả năng tự cân đối ngân sách và Kj để phản ánh mức độ khó khăn của địa bàn. So với phương án chia bình quân, công thức mới hướng nguồn lực nhiều hơn đến địa bàn có nhu cầu lớn, ngân sách khó khăn và chi phí đầu tư cao. Hệ số 1,3 đối với kiên cố hóa và 1,2 đối với phổ cập, học 2 buổi/ngày thể hiện rõ thứ tự ưu tiên của Chương trình.

b) Tác động đối với nhóm yếu thế và bình đẳng giới

Chính sách có tác động tích cực đến học sinh dân tộc thiểu số, học sinh ở vùng khó khăn, học sinh khuyết tật, học sinh nội trú và giáo viên công tác xa trung tâm. Khi lập danh mục dự án cần lồng ghép yêu cầu tiếp cận đối với người khuyết tật, nhà vệ sinh phù hợp giới, nước sạch, an toàn trường học và phòng, chống bạo lực học đường. Chính sách không tạo phân biệt đối xử về giới; tác động gián tiếp tích cực đối với học sinh nữ thông qua điều kiện vệ sinh, nội trú và an toàn được cải thiện.

c) Tác động môi trường

Hoạt động xây dựng, sửa chữa có thể phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải xây dựng và ảnh hưởng tạm thời đến hoạt động dạy học. Dự án phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy; ưu tiên thiết kế tiết kiệm năng lượng,

thông gió và chiếu sáng tự nhiên, sử dụng vật liệu bền vững, tổ chức thi công phù hợp với năm học.

d) Rủi ro kỹ thuật của công thức và biện pháp kiểm soát

Kết quả phân bổ phụ thuộc trực tiếp vào độ chính xác của Pkch, Ppcgd, Pthiếu, Mj và Kj. Sai số, trùng lặp hạng mục hoặc phân loại địa bàn không đúng có thể làm thay đổi đáng kể tỷ trọng vốn. Vì vậy, cần ban hành bộ tiêu chí kiểm đếm thống nhất, quy định hồ sơ minh chứng, kiểm tra chéo giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính và cấp xã, công khai bảng tính điểm, đồng thời rà soát trường hợp đặc biệt có nguy cơ mất an toàn để xử lý kịp thời.

3. Tác động của chính sách phân bổ cho Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị cấp tỉnh và trường cao đẳng công lập

a) Đối với nhiệm vụ cấp tỉnh

Quy định mức tối đa 20% vốn đầu tư phát triển thuộc Dự án thành phần 1 tạo giới hạn rõ ràng cho nhiệm vụ cấp tỉnh, vừa bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ quy mô liên xã, phường, nhiệm vụ đặc thù, vừa dành phần lớn nguồn vốn cho các xã, phường. Tác động tích cực là tăng tính chủ động và khả năng điều phối chung; rủi ro là lựa chọn nhiệm vụ cấp tỉnh chưa thật sự cấp thiết hoặc thiếu đầu ra rõ ràng. Vì vậy, từng nhiệm vụ phải thuyết minh phạm vi thụ hưởng, sản phẩm, dự toán, tiến độ và khả năng giải ngân.

b) Đối với trường cao đẳng công lập

Việc áp dụng tiêu chí, hệ số và phương pháp tại Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg giúp lựa chọn dự án trên cơ sở định hướng phát triển, quy mô đào tạo, mức độ đạt chuẩn, nhu cầu nâng cấp cơ sở vật chất và ngành, nghề trọng điểm. Tác động dài hạn là nâng cao chất lượng đào tạo nghề, năng lực thực hành, khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật và tăng liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp.

c) Rủi ro và giải pháp

Rủi ro gồm số liệu đào tạo, mức độ đạt chuẩn hoặc nhu cầu đầu tư chưa chính xác; thiết bị đầu tư nhưng khai thác thấp; dự án vượt khả năng bố trí vốn đối ứng và chi phí vận hành, bảo trì. Cần thẩm định phương án tài chính, công suất sử dụng, nhu cầu ngành nghề, kế hoạch vận hành và bảo trì; theo dõi số người học được thụ hưởng, tỷ lệ sử dụng thiết bị, kết quả đào tạo và hợp tác doanh nghiệp sau đầu tư.

4. Tác động của chính sách phân bổ vốn ngân sách trung ương tại địa phương và kinh phí thường xuyên

- Quy định mức tối đa 20% cho nhiệm vụ cấp tỉnh giúp phương án vốn có giới hạn, minh bạch và bảo đảm phần vốn chủ yếu được phân bổ trực tiếp cho các xã, phường theo công thức. Mức thực tế dành cho cấp tỉnh vẫn phụ thuộc khối lượng nhiệm vụ và khả năng triển khai, không mặc nhiên phải bố trí đủ 20%. Đối với kinh phí thường xuyên, áp dụng tiêu chí, hệ số của Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg bảo đảm thống nhất pháp luật và tránh trùng lặp nguồn kinh phí.

- Mặt hạn chế là khối lượng nhiệm vụ cấp tỉnh có thể biến động và khó so sánh nếu thiếu bộ chỉ số đầu ra. Cần lập danh mục nhiệm vụ, dự toán chi tiết, quy mô đối tượng thụ hưởng, sản phẩm và thời hạn hoàn thành; công khai tỷ trọng vốn dành cho cấp tỉnh, cấp xã và trường cao đẳng trong từng phương án trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Tác động của chính sách vốn đối ứng

a) Đối với ngân sách tỉnh

Tỷ lệ đối ứng 38,73% tạo áp lực nhất định đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự toán ngân sách hằng năm, nhất là khi vốn ngân sách trung ương được giao lớn hoặc tập trung trong một số năm. Mặt tích cực là nâng cao cam kết của địa phương, bảo đảm dự án có đủ nguồn lực hoàn thành và hạn chế tình trạng chỉ bố trí vốn trung ương nhưng thiếu nguồn hoàn thiện. Việc cân đối phải thực hiện theo từng kịch bản vốn được giao, từng dự án và khả năng ngân sách; không làm ảnh hưởng bất hợp lý đến nhiệm vụ chi thiết yếu khác.

b) Đối với dự án đầu tư cho trường cao đẳng công lập

Việc bố trí vốn đối ứng của tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác làm tăng trách nhiệm bảo đảm tính đồng bộ của dự án, hạn chế đầu tư dở dang. Tuy nhiên, phải xác định rõ nguồn, tiến độ bố trí và khả năng cân đối trước khi phê duyệt dự án; không chuyển chi phí bất hợp lý sang người học, không sử dụng nguồn thu có mục tiêu khác và không làm giảm nguồn chi cần thiết cho hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học, vận hành và bảo trì.

c) Giải pháp giảm áp lực

Thực hiện phân kỳ đầu tư; ưu tiên dự án cấp bách, đủ thủ tục; lồng ghép hợp pháp với kế hoạch đầu tư công và nguồn khác nhưng không trùng lặp; rà soát quy mô, tiêu chuẩn, tổng mức đầu tư; chủ động điều chỉnh vốn đối với dự án chậm; tăng cường tiết kiệm chi, huy động tài trợ và nguồn lực hợp pháp theo quy định.

6. Tác động của việc thực hiện phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã

a) Tác động tích cực

Phân cấp giúp quyết định chi tiết sát nhu cầu, tiến độ và điều kiện thực tế của địa phương; rút ngắn quá trình điều chỉnh nội bộ, tăng trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, tạo điều kiện giám sát trực tiếp của đại biểu dân cử và cộng đồng.

b) Chi phí và rủi ro

Cấp xã phải tăng khối lượng lập kế hoạch, thẩm định, tổ chức thực hiện, báo cáo và quản lý tài sản. Năng lực không đồng đều có thể dẫn đến phân bổ dàn trải, chậm hoàn thiện thủ tục, sai phạm trong đầu tư, mua sắm hoặc điều chỉnh vốn. Việc điều chuyển vốn giữa địa phương cần bảo đảm đúng thẩm quyền và không làm gián đoạn dự án đang thực hiện.

c) Biện pháp kiểm soát

Ban hành biểu mẫu, quy trình và lịch báo cáo thống nhất; tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp xã; số hóa dữ liệu dự án và bảng tính phân bổ; tăng kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính; công khai nghị quyết phân bổ của Hội đồng nhân dân cấp xã; thực hiện giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng.

7. Tác động tổng hợp đối với các nhóm chịu tác động

Nhóm chịu tác động	Tác động tích cực	Chi phí/rủi ro chính	Biện pháp kiểm soát
Cơ quan cấp tỉnh	Có căn cứ thống nhất để lập, thẩm định, phân bổ, điều phối và giám sát vốn	Tăng khối lượng tổng hợp số liệu, thẩm định và giải trình	Chuẩn hóa dữ liệu, phân công đầu mối, số hóa và công khai phương án
HĐND, UBND cấp xã	Tăng quyền chủ động, quyết định sát nhu cầu địa bàn	Năng lực quản lý không đồng đều; trách nhiệm báo cáo, giải ngân tăng	Tập huấn, biểu mẫu thống nhất, kiểm tra định kỳ, công khai quyết định
Cơ sở mầm non, phổ thông	Cải thiện an toàn, phòng học, thiết bị và điều kiện dạy học	Gián đoạn tạm thời khi thi công; tăng trách nhiệm quản lý tài sản	Thi công phù hợp năm học; kế hoạch vận hành, bảo trì và kiểm kê tài sản
Trường cao đẳng công lập	Có cơ hội được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị và chất lượng đào tạo nghề	Phải chứng minh nhu cầu, hiệu quả đầu tư và khả năng bố trí nguồn đối ứng hợp pháp	Thẩm định phương án tài chính, công suất, đầu ra; theo dõi vận hành và khai thác tài sản
Nhà giáo, người học	Môi trường, thiết bị, cơ hội học tập và chất lượng đào tạo được cải thiện	Cần thích ứng với cơ sở vật chất, công nghệ và phương thức mới	Bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật, bảo đảm an toàn, tiếp cận và không tăng chi phí trái quy định
Doanh nghiệp, tổ chức xã hội	Cơ hội hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp hàng hóa, dịch vụ	Nguy cơ cạnh tranh không minh bạch hoặc xung đột lợi ích	Tuân thủ pháp luật đấu thầu, công khai, kiểm soát xung đột lợi ích

8. Đánh giá về thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật và bảo vệ dữ liệu

- Dự thảo Nghị quyết không quy định thủ tục hành chính mới đối với cá nhân, tổ chức ngoài khu vực nhà nước. Các yêu cầu về cung cấp số liệu, lập phương án, thẩm định, báo cáo và công khai là quy trình quản lý nội bộ giữa cơ quan nhà nước và đơn vị sử dụng ngân sách. Chính sách phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh,

cụ thể hóa Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg và không làm thay đổi thẩm quyền đầu tư, ngân sách đã được luật quy định.

- Việc số hóa dữ liệu phân bổ, hồ sơ dự án và báo cáo phải tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và quản lý tài liệu. Chỉ thu thập dữ liệu cần thiết; phân quyền truy cập, lưu vết chỉnh sửa và có cơ chế đối soát để bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn của số liệu.

IV. SO SÁNH PHƯƠNG ÁN VÀ LỰA CHỌN CHÍNH SÁCH

Nội dung	Phương án 1: Không ban hành Nghị quyết	Phương án 2: Ban hành Nghị quyết theo dự thảo
Cơ sở pháp lý	Chỉ áp dụng khung của Trung ương, thiếu quy định cụ thể thuộc thẩm quyền địa phương	Cụ thể hóa Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg, tạo căn cứ để HĐND quyết định và giám sát
Minh bạch, công bằng	Khó so sánh nhu cầu và mức độ ưu tiên giữa các xã, dễ xử lý theo từng trường hợp	Có công thức P, M, K, hệ số, dữ liệu chốt và trách nhiệm giải trình
Hiệu quả sử dụng vốn	Nguy cơ chia bình quân, dàn trải, chậm điều phối, không gắn năng lực giải ngân	Ưu tiên công trình cấp bách, địa bàn khó khăn; cho phép điều chỉnh vốn kịp thời
Vốn đối ứng	Khó lập kế hoạch trung hạn, hằng năm và xác định trách nhiệm của trường cao đẳng	Xác định tỷ lệ đối ứng ngân sách tỉnh 38,73%; có căn cứ lập kế hoạch vốn theo từng năm, từng dự án
Phân cấp	Cấp xã thiếu căn cứ rõ để quyết định chi tiết và điều chỉnh vốn	Thực hiện phân cấp theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND, gắn với báo cáo, giám sát và điều phối vốn
Chi phí quản lý	Chi phí xây dựng văn bản ban đầu thấp nhưng tăng chi phí xử lý, giải trình từng năm	Tăng chi phí chuẩn hóa số liệu ban đầu nhưng giảm tranh luận và chi phí ra quyết định về sau
Kết luận	Không lựa chọn	Lựa chọn

Phương án được lựa chọn là ban hành Nghị quyết theo phương án 2. Phương án này cần thiết, đúng thẩm quyền, bảo đảm tính thống nhất với quy định của Trung ương, tạo cơ chế phân bổ có thể lượng hóa, kiểm tra và giám sát. Chi phí tuân thủ chủ yếu là chi phí quản lý nội bộ, tương xứng với lợi ích từ việc nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, giảm đầu tư dàn trải và cải thiện điều kiện giáo dục.

V. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH VÀ CƠ CHẾ THEO DÕI

- Hoàn thành rà soát, chuẩn hóa và chốt số liệu đầu vào; mỗi chỉ tiêu Pkch, Ppcgd, Pthiếu, Mj, Kj và hồ sơ xác định tiêu chí đối với trường cao đẳng công lập phải có tài liệu minh chứng, cơ quan xác nhận và khả năng truy xuất.

- Chỉ đưa vào phương án vốn các dự án đủ điều kiện theo pháp luật về đầu tư công, có mặt bằng, tiến độ, tổng mức đầu tư và kế hoạch giải ngân khả thi.

- Lập phương án cân đối vốn đối ứng theo từng năm, từng dự án và các kịch bản vốn ngân sách trung ương được giao; không phê duyệt dự án vượt khả năng cân đối hoặc chưa xác định rõ nguồn.

- Công khai bảng tính điểm, mức vốn dự kiến, căn cứ điều chỉnh, danh mục dự án, kết quả giải ngân và đầu ra; tăng giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và cộng đồng.

- Định kỳ rà soát để điều chỉnh, thu hồi hoặc chuyển vốn đối với nhiệm vụ chậm tiến độ, không còn nhu cầu hoặc không bảo đảm hiệu quả; bảo đảm việc điều chỉnh đúng thẩm quyền.

- Đánh giá hiệu quả sau đầu tư, gồm tỷ lệ sử dụng phòng học, thiết bị, số người thụ hưởng, mức độ hoàn thành mục tiêu, chi phí vận hành và khả năng bảo trì.

Các chỉ số theo dõi chủ yếu

Nhóm chỉ số	Chỉ số theo dõi	Tần suất/đơn vị báo cáo
Tiến độ vốn	Tỷ lệ phân bổ, giao vốn; tỷ lệ giải ngân; số vốn điều chỉnh, thu hồi	Hàng quý, hàng năm; chủ đầu tư, UBND cấp xã
Cơ sở vật chất	Số phòng tạm, nhờ, mượn được xử lý; số phòng phục vụ học 2 buổi/ngày; số hạng mục đạt chuẩn tối thiểu	Hàng năm; Sở GDĐT, UBND cấp xã
Công bằng	Tỷ trọng vốn cho xã khu vực II, III, vùng DTTS và miền núi, xã an toàn khu	Theo phương án phân bổ và quyết toán
Trường cao đẳng công lập	Tình hình bố trí vốn đối ứng; tiến độ dự án; công suất sử dụng thiết bị; số người học, ngành nghề thụ hưởng	Hàng năm; cơ quan chủ quản và trường cao đẳng
Hiệu quả	Tỷ lệ dự án hoàn thành đúng tiến độ; tỷ lệ tài sản đưa vào sử dụng; chi phí vận hành, bảo trì	Hàng năm và sau đầu tư
Minh bạch	Tỷ lệ phương án, quyết định và kết quả thực hiện được công khai đúng hạn	Hàng năm; cơ quan phân bổ vốn

VI. KẾT LUẬN

- Việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là cần thiết, có cơ sở pháp lý và thực tiễn. Các chính sách trong dự thảo tạo tác động tích cực về hiệu quả ngân sách, công bằng trong tiếp cận giáo dục,

chất lượng cơ sở vật chất, năng lực đào tạo nghề và trách nhiệm giải trình. Các chi phí, rủi ro phát sinh chủ yếu thuộc hoạt động quản lý, chuẩn hóa dữ liệu, bố trí vốn đối ứng và năng lực thực hiện của cấp xã; có thể kiểm soát bằng công khai, thẩm định, giám sát, số hóa dữ liệu và điều phối vốn kịp thời.

- Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo hướng rà soát chính xác số liệu chốt ngày 30 tháng 6 năm 2026; xây dựng phương án vốn đối ứng theo tỷ lệ 38,73% và các kịch bản vốn trung ương được giao; thuyết minh rõ danh mục, nhu cầu và tỷ trọng vốn cấp tỉnh trong giới hạn tối đa 20%; quy định biểu mẫu báo cáo, công khai bảng tính điểm và cơ chế đánh giá hiệu quả sau đầu tư.

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC SỐ LIỆU CẦN THU THẬP, XÁC NHẬN

Nhóm số liệu	Nội dung cần tổng hợp	Cơ quan/đơn vị xác nhận
Mầm non, phổ thông	Pkch, Ppcgd, Pthiếu; danh mục, quy mô, tổng mức, tiến độ dự án; hồ sơ hiện trạng và ảnh minh chứng	Sở Giáo dục và Đào tạo; Ủy ban nhân dân cấp xã; chủ đầu tư
Khả năng ngân sách xã	Tỷ lệ số bổ sung cân đối so với tổng chi cân đối ngân sách xã để xác định Mj	Sở Tài chính; UBND cấp xã
Địa bàn ưu tiên	Phân loại khu vực II, III; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã an toàn khu để xác định Kj	Cơ quan có thẩm quyền; Ủy ban nhân dân cấp xã
Trường cao đẳng công lập	Hồ sơ xác định đối tượng tham gia; tiêu chí, hệ số theo Điều 5 Quyết định số 36/2026/QĐ-TTg; dự án, thiết bị, tiến độ và nguồn đối ứng	Nhà trường; cơ quan chủ quản; Sở Giáo dục và Đào tạo
Nhiệm vụ cấp tỉnh	Nội dung, đối tượng, sản phẩm, phạm vi thụ hưởng, dự toán, tiến độ và nguồn đã bố trí	Sở Giáo dục và Đào tạo và đơn vị thực hiện
Ngân sách	Mức ngân sách trung ương dự kiến; khả năng cân đối ngân sách tỉnh; vốn đối ứng từng dự án, từng năm	Sở Tài chính; cơ quan kế hoạch đầu tư công

PHỤ LỤC 2. KỊCH BẢN MINH HỌA VỐN ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH

NSTW hỗ trợ thuộc phạm vi đối ứng (tỷ đồng)	Tỷ lệ đối ứng	Ngân sách tỉnh tối thiểu bố trí (tỷ đồng)
50	38,73%	19,365
100	38,73%	38,730
200	38,73%	77,460
500	38,73%	193,650
1.000	38,73%	387,300

Ghi chú: Số liệu trong bảng mang tính minh họa; số vốn đối ứng chính thức xác định theo vốn trung ương được giao, phạm vi phải đối ứng và khả năng cân đối ngân sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC. Đăngđh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đức Thịnh